

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ CÁC XU HƯỚNG CẢI TỔ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ TRÊN THẾ GIỚI

*Phạm Thùy Linh**

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia (ISDS), những thách thức trong thực thi cũng như các đề xuất cải tổ nhằm nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả cơ chế này. Từ các phân tích về cơ chế ISDS và các sáng kiến cải tổ, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm giảm nguy cơ chịu ảnh hưởng lớn từ cơ chế ISDS cho Việt Nam như tích cực vào quá trình thảo luận, thúc đẩy cải tổ cơ chế ISDS ở cấp độ quốc tế, chú trọng vào việc nâng cấp các hiệp định đầu tư hiện có, hoàn thiện khuôn khổ pháp luật trong nước và nâng cao khả năng thực thi của đội ngũ cán bộ.

Từ khóa: Tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, cải tổ ISDS.

Abstract: The article focuses on analysing the mechanism for settling disputes between investors and states (ISDS), the challenges in its implementation and ongoing reform proposals aimed at enhancing the transparency, fairness and effectiveness of this mechanism. On the basis of that analysis, the article puts forward a number of solutions to reduce Vietnam's exposure to risks arising from the ISDS mechanism, such as actively participating in international discussions, promoting ISDS reform at the global level, prioritising the upgrading of existing investment agreements, improving the domestic legal framework and strengthening the enforcement capacity of relevant officials.

Keywords: International investment dispute; international investment dispute settlement; ISDS reform.

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế ngày càng sâu rộng, các hoạt động đầu tư quốc tế đang phát triển mạnh mẽ cả về quy mô lẫn tính phức tạp, kéo theo đó là sự gia tăng về số lượng và tính chất đa dạng của các tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia tiếp nhận đầu tư. Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước (ISDS) từ lâu đã đóng vai trò trung tâm trong việc bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư, đồng thời góp phần củng cố lòng tin vào môi trường đầu tư của các quốc gia. Tuy

nhien, sau nhiều thập kỷ vận hành, cơ chế ISDS đang phải đối mặt với không ít chỉ trích liên quan đến tính minh bạch, công bằng, chi phí tố tụng cao và nguy cơ ảnh hưởng đến chủ quyền lập pháp của quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Trước thực tiễn đó, cộng đồng quốc tế đang nỗ lực thúc đẩy các sáng kiến cải tổ hệ thống giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Các xu hướng cải tổ này không chỉ nhằm khắc phục các khiếm khuyết hiện hữu của ISDS, mà còn hướng tới một hệ thống giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả và cân bằng hơn giữa lợi ích của nhà đầu tư và quyền điều chỉnh chính sách của quốc gia.

* ThS., Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp.

Việt Nam – với vai trò là quốc gia đang phát triển, đồng thời là thành viên của nhiều hiệp định đầu tư thế hệ mới – đứng trước yêu cầu cấp thiết phải nghiên cứu, tiếp cận và rút ra bài học từ các xu hướng cải tổ toàn cầu, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế phù hợp với thực tiễn và định hướng phát triển bền vững.

1. Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và thực trạng cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Tranh chấp đầu tư quốc tế là tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia nhận đầu tư phát sinh từ những vi phạm về nghĩa vụ trong các hiệp định đầu tư (IIA) mà quốc gia tiếp nhận đầu tư ký kết với quốc gia của nhà đầu tư, hợp đồng đầu tư hoặc pháp luật quốc gia liên quan.

ISDS là cơ chế pháp lý để giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế và thường được quy định ngay tại các IIA. Tính đến năm 2024, có 2.457 trong số 2.592 IIA có quy định về ISDS (chiếm trên 94%)¹. Theo đó, tranh chấp đầu tư quốc tế có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức như thương lượng, trung gian hoà giải, qua toà án nhưng phổ biến nhất là qua trọng tài quốc tế (1.824 IIA quy định về phương thức trọng tài mà không có phương thức thay thế khác)².

Dựa trên cơ chế ISDS được quy định tại các IIA, tính đến hết năm 2022, trên toàn thế giới đã phát sinh 1.257 vụ kiện đầu tư

quốc tế được giải quyết qua trọng tài, trong đó chỉ có 890 vụ đã được giải quyết xong³. Hầu hết bị đơn trong các vụ kiện này là các nước đang và kém phát triển thường xuyên tiếp nhận đầu tư nước ngoài ở khu vực châu Mỹ - Latinh, châu Á và châu Phi như Argentina (62 vụ), Mexico (41 vụ), Ấn Độ (29 vụ), Venezuela (59 vụ), Ai Cập (46 vụ), Pakistan (12 vụ), nhưng đồng thời, một số quốc gia phát triển như Canada, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha... cũng bị các nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện. Đáng chú ý là, trong một thập kỷ gần đây, số lượng các vụ kiện đầu tư quốc tế đã tăng lên đáng kể. Cụ thể là, năm 2011, số lượng vụ kiện đầu tư quốc tế phát sinh mới là 54 vụ, tăng 155% so với năm 2010 (36 vụ); từ năm 2015 đến năm 2021, trung bình mỗi năm trên thế giới phát sinh khoảng 70 vụ kiện đầu tư quốc tế⁴. Không những gia tăng về số lượng, giá trị của các tranh chấp cũng có chiều hướng tăng. Tính đến nay, số lượng các vụ kiện đầu tư quốc tế mà nhà đầu tư nước ngoài yêu cầu nước nhận đầu tư bồi thường trên một tỷ đô-la Mỹ là 136 vụ, trong đó, giai đoạn 1997-2010 phát sinh 47 vụ kiện và giai đoạn 2011-2024 phát sinh 89 vụ; có 14 vụ kiện hội đồng trọng tài yêu cầu nước nhận đầu tư phải trả cho nhà đầu tư nước ngoài số tiền trên một tỷ đô-la Mỹ, trong đó 9/14 vụ kiện này phát sinh trong giai đoạn 2011-2024.

Sự gia tăng nhanh chóng của các vụ kiện đầu tư xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có: (i) Nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài của các quốc gia và sự ra đời của nhiều IIA với những điều khoản mở rộng quyền, trong đó có quyền được khởi kiện đầu tư quốc tế của nhà đầu tư nước ngoài;

¹ UNCTAD, *International Investment Agreements Navigator: IIA content mapping (ISDS included)*, 2025, truy cập tại: <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/ii-mapping/Content>, truy cập ngày 10/4/2025.

² UNCTAD, *International Investment Agreements Navigator: IIA content mapping (ISDS included; None Alternative to arbitration)*, 2025, truy cập tại: <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/ii-mapping/Content>, truy cập ngày 10/4/2025.

³ Truy cập tại: <https://investmentpolicy.unctad.org/investment-dispute-settlement>, truy cập ngày 10/4/2025.

⁴ My An Dang, *ISDS Legitimacy Crisis: Is a Procedural Reform Enough?* The King's Student Law Review, Vol XIV, Issue II, 2024, pp. 12-23, p. 13.

(ii) Nhận thức ngày càng tăng của các nhà đầu tư nước ngoài về các quyền theo IIA và các lợi ích có thể đạt được khi sử dụng cơ chế ISDS; (iii) Các thay đổi về pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng... ở các nước tiếp nhận đầu tư nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng có thể ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Cơ chế giải quyết vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện về đầu tư của các quốc gia chưa hiệu quả dẫn tới việc các nhà đầu tư ưu tiên sử dụng cơ chế ISDS để giải quyết tranh chấp.

Trong khi đó, từ những năm 2010, cơ chế ISDS tại các IIA chủ yếu dựa trên phương thức trọng tài bị nhiều quốc gia chỉ trích là “độc hại” và bộc lộ một số hạn chế nghiêm trọng như:

(i) Gây ra tác động xấu đối với thẩm quyền quản lý của Nhà nước: Cơ chế ISDS hiện hành đặt quốc gia tiếp nhận đầu tư vào thế bị động khi chỉ cho phép nhà đầu tư nước ngoài được khởi kiện quốc gia nhận đầu tư. Bên cạnh đó, cơ chế này cũng tạo ra sự phân biệt đối xử ngược với nhà đầu tư trong nước, không cân nhắc tới các quy định bảo vệ quyền con người hay môi trường và gây ra tình trạng suy giảm quyền lập pháp của các quốc gia⁵. Trên thực tế, mặc dù các Hội đồng trọng tài không có thẩm quyền buộc các quốc gia phải thay đổi các luật mà nhà đầu tư viện dẫn khi khiếu kiện, tuy nhiên, một số chuyên gia nhận thấy, các quốc gia tiếp nhận đầu tư có xu hướng thay đổi luật bị cho là không phù hợp với các cam kết đầu tư trong những vụ kiện cụ thể nhằm tránh phải bồi thường trong những vụ việc tương tự trong tương lai. Điều này dẫn tới sự hạn chế gián tiếp quyền lập pháp của các quốc gia⁶.

(ii) Thiếu đồng bộ, nhất quán và các quyết định cuối cùng khó dự đoán: Một số chuyên gia cho rằng, các IIA có chứa những lỗ hổng và các quy định chưa thực sự rõ ràng ở một số điều khoản quan trọng dẫn đến khả năng bị lạm dụng và phụ thuộc quá nhiều vào sự giải thích của các trọng tài viên. Việc giải thích khác biệt các quy định tương tự nhau ở các IIA khác nhau cũng dẫn tới sự không rõ ràng về ý nghĩa của các nghĩa vụ quy định tại điều ước quốc tế và thiếu khả năng dự đoán. Hậu quả của các phán quyết khác nhau hay sai lầm trở nên nghiêm trọng hơn do cơ chế giải quyết bằng trọng tài không cho phép kháng cáo.

(iii) Thiếu minh bạch: Trên thực tế, thủ tục tố tụng trọng tài trong hầu hết các vụ việc được giữ bí mật, chỉ một số ít các tổ chức trọng tài có quy định về công khai các thông tin về tranh chấp đầu tư quốc tế, chẳng hạn như Trung tâm trọng tài đầu tư quốc tế (ICSID).

(iv) Thiếu tính độc lập, khách quan: Chỉ rất ít IIA có điều khoản liên quan đến xung đột lợi ích hay tính độc lập, khách quan của trọng tài viên. Thông thường, các IIA chỉ đặt ra các quy định liên quan đến điều kiện về quốc tịch của trọng tài viên. Các trọng tài thường được chỉ định theo vụ việc và theo thống kê, 95% trọng tài viên được lựa chọn là nam giới và có quốc tịch của quốc gia châu Âu hoặc Bắc Mỹ. Các trọng tài viên này cũng thường được lựa chọn làm luật sư tư vấn trong các vụ việc khác (trong đó, khoảng 50% làm luật sư tư vấn cho các nhà đầu tư; và 10% tư vấn cho các quốc gia). Tình trạng gia tăng của các vụ việc bị khiếu nại bởi quốc gia bị kiện liên quan đến trọng

⁵ My An Dang, *tlđd*, p. 14

⁶ European Parliament, Investor-State Dispute Settlement (ISDS) State of play and prospects for

reform, European Parliamentary Research Service (EPRS), Briefing, 1/2015, PE 545.736 EN, https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2015/545736/EPRS_BRI%282015%29545736_EN.pdf, truy cập ngày 10/4/2025.

tài viên được chỉ định cũng cho thấy rằng danh sách ứng cử viên cho vị trí này có dấu hiệu thiên vị⁷. Ngoài đóng vai trò là trọng tài viên hay luật sư tư vấn, các cá nhân này cũng có thể đóng vai trò là chuyên gia, chuyên gia luật học nổi bật trong lĩnh vực luật đầu tư và bằng cách này, quan điểm của họ cũng có ảnh hưởng lớn tới trọng tài giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

(v) Chi phí cao: Theo thống kê, mỗi vụ kiện trọng tài đầu tư thường kéo dài từ 3-4 năm và chi phí pháp lý liên quan đất đỏ - chi phí pháp lý và trọng tài trung bình khoảng 8 triệu USD/vụ kiện; có vụ lên tới trên 30 triệu USD⁸, trong đó phần lớn chi phí dành cho luật sư đại diện pháp lý và chuyên gia (chiếm khoảng 80% tổng chi phí). Trong trường hợp theo đuổi các thủ tục huỷ phán quyết hoặc công nhận và cho thi hành phán quyết sau đó, các chi phí sẽ tăng thêm.

2. Các xu hướng cải tổ, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

2.1. Tại các quốc gia và khu vực

Cùng với sự gia tăng nhanh chóng của các tranh chấp đầu tư quốc tế, các yêu cầu bức thiết của các quốc gia trong thực thi quyền lực nhà nước để bảo vệ quyền lợi công, ứng phó với các vấn đề mới nổi như môi trường, biến đổi khí hậu... đòi hỏi các quốc gia và khu vực phải sớm có những biện pháp nhằm cải tổ cơ chế ISDS. Tuy vậy, cách thức tiếp cận trong cải tổ ISDS ở các quốc gia, khu vực có những khác biệt đáng kể phụ thuộc vào các mục tiêu, lợi ích về kinh tế-xã hội cũng như mối quan hệ với các

quốc gia đối tác. Một số cách tiếp cận phổ biến trong cải tổ ISDS có thể kể tới như:

Thứ nhất, cải cách mang tính mô hình (paradigmatic reform) nhằm loại bỏ hoàn toàn hoặc thay thế cơ chế ISDS

Một số quốc gia lựa chọn rút khỏi hoặc chấm dứt các hiệp định đầu tư có quy định về ISDS đồng thời với việc đàm phán lại các hiệp định đầu tư theo hướng hạn chế phạm vi áp dụng, tăng cường điều kiện áp dụng của cơ chế này. Indonesia, Ấn Độ và các quốc gia Mỹ - Latinh (Ecuador, Bolivia, Venezuela...) là các quốc gia điển hình sử dụng cách tiếp cận này. Năm 2014, Indonesia là quốc gia đầu tiên trên thế giới thông báo chấm dứt hiệp định đầu tư song phương có quy định về cơ chế ISDS (Hiệp định khuyến khích đầu tư Indonesia - Hà Lan)⁹ và tính đến năm 2022, quốc gia này đã chấm dứt 29/55 hiệp định đầu tư có quy định về ISDS¹⁰. Tương tự, trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2019, Ấn Độ chấm dứt 68/87 hiệp định đầu tư song phương. Trong khi đó, Brazil duy trì cách tiếp cận chung là không ký kết các IIA có cơ chế ISDS thông qua trọng tài; chỉ trong năm 2018, quốc gia này đã ký kết 03 hiệp định đầu tư song phương (BIT Brazil - Ethiopia, BIT Brazil - Guyana và BIT Brazil-Suriname) nhưng

⁹ David Price, *Indonesia's Bold Strategy on Bilateral Investment Treaties: Seeking an Equitable Climate for Investment?*, Asian Journal of International Law, 1/2019. Truy cập tại: <https://www.cambridge.org/core/journals/asian-journal-of-international-law/article/indonesias-bold-strategy-on-bilateral-investment-treaties-seeking-an-equitable-climate-for-investment/2B196186FE7A415E60E84D57E169803D>, truy cập ngày 10/4/2025.

¹⁰ Gemilang Mahardhika N, *An Epilogue to Bilateral Investment Treaties Regime and the Fate of Foreign Investment Protection in Indonesia*, Jurnal Hukum Ius Quia Iustum 2022 29(1), pp. 93-117. Truy cập tại: <https://www.mendeley.com/catalogue/8199dc62-c197-357a-bb96-48f83b82d2fa/?utm>, truy cập ngày 10/4/2025.

⁷ European Parliament, tldđ, p. 5.

⁸ David Gaukrodger, Kathryn Gordon, *OECD Working papers on International Investment 2012, Investor-State Dispute Settlement: A scoping paper for investment policy community*, p. 19, https://www.bicl.org/documents/136_isds-costs-damages-duration_june_2021.pdf, truy cập ngày 10/4/2025.

không hiệp định nào bao gồm cơ chế ISDS¹¹. Một số quốc gia cũng lựa chọn không chấp thuận một phần hoặc toàn bộ cơ chế ISDS khi ký kết các điều ước quốc tế đa phương về thương mại, đầu tư. Chẳng hạn như 05 quốc gia thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có thư song phương để loại trừ hoặc điều chỉnh cơ chế ISDS bắt buộc trong Hiệp định; Canada lựa chọn từ bỏ cơ chế ISDS khi ký hiệp định với Hoa Kỳ, Mexico năm 2018 (USCMA) để thay thế Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA)¹².

Một xu hướng phổ biến khác trong cải tổ cơ chế ISDS ở cấp độ quốc gia, khu vực là thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thay thế cho phương thức trọng tài như Tòa án quốc gia, cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước - Nhà nước (SSDS) trong các IIA và các phương thức như thương lượng, trung gian hoà giải. Chẳng hạn như Hiệp định Thương mại tự do châu Phi (AfCTA) được ký kết năm 2018 (có hiệu lực từ tháng 5/2019) không quy định về cơ chế ISDS, thay vào đó, các tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua cơ chế SSDS hoặc hệ thống Tòa án quốc gia.

Thứ hai, cải cách hệ thống (systemic reform) nhằm duy trì cơ chế ISDS nhưng có những thay đổi đáng kể về mặt cấu trúc

Cách tiếp cận này tập trung vào việc thiết lập một cơ quan tài phán ISDS thường trực thay vì sử dụng cơ chế trọng tài vụ việc như hiện nay. Đây là cách tiếp cận của Liên minh châu Âu (EU) nhằm khắc phục các hạn chế của cơ chế ISDS dựa trên trọng tài vụ việc thiếu tính nhất quán, đồng bộ và tiềm ẩn rủi ro không minh bạch, công bằng. Từ năm 2015, Hội đồng châu Âu bắt đầu nghiên cứu về việc thành lập một toà án đầu tư đa phương thường trực với hai cấp xét xử tương tự như hệ thống toà án quốc gia. Các thẩm phán của toà án đầu tư đa phương được chỉ định trước thay vì do các bên tranh chấp lựa chọn và phải tuân thủ theo các quy định chặt chẽ để chống xung đột lợi ích. Phương thức tiếp cận thay thế trọng tài giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế bằng các toà án thường trực cũng được áp dụng trong quá trình đàm phán các hiệp định thương mại, đầu tư của EU với các đối tác như Canada (Hiệp định kinh tế và thương mại toàn diện EU - Canada), Việt Nam (Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU), Singapore (Hiệp định bảo hộ đầu tư EU - Singapore), Mexico. Các hiệp định nói trên khi có hiệu lực sẽ thay thế các hiệp định đầu tư song phương giữa các quốc gia thành viên EU đã ký kết với các đối tác trước đó (trong đó có các quy định về cơ chế ISDS).

Thứ ba, cải cách gia tăng (incremental reform) nhằm sửa đổi, cải thiện cơ chế ISDS trong các IIA hiện có

Nhiều quốc gia lựa chọn phương án quy định rõ ràng hơn quyền của nhà đầu tư và giới hạn phạm vi các tranh chấp được áp dụng cơ chế ISDS khi sửa đổi hoặc ký mới các IIA. Ví dụ như năm 2015, Ấn Độ ban hành Hiệp định đầu tư mẫu thay thế Hiệp định đầu tư mẫu được ban hành từ năm 1993, trong đó có nhiều thay đổi lớn nhằm cân bằng hơn lợi ích giữa các nhà đầu tư nước ngoài và mục tiêu phát triển của Ấn

¹¹ UNCTAD, IReforming investment dispute settlement: A stocktaking, IIA Issues Note: Issue 1, 2019. Truy cập tại: https://unctad.org/system/files/official-document/diaepcbinf2019d3_en.pdf, truy cập ngày 10/4/2025.

¹² Temitope Badejo, Canada's Withdrawal from Investor-State Arbitration in the USMCA: Implications and Alternative Dispute Resolution Mechanisms for Investors, 48 Can.-U.S. L.J. 187, 2024, p. 190. Truy cập tại: <https://scholarlycommons.law.case.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=2754&context=cuslj>, truy cập ngày 10/4/2025.

Độ¹³. Tương tự Ấn Độ, Hoa Kỳ theo đuổi cách tiếp cận cải cách gia tăng Hiệp định USCMA cũng quy định rõ phạm vi hẹp các lĩnh vực tranh chấp có thể áp dụng cơ chế ISDS và các điều kiện để được áp dụng cơ chế này (ví dụ như điều kiện cạn kiệt các giải pháp giải quyết tranh chấp trong nước).

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia cũng lựa chọn giải pháp tăng cường phòng ngừa phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế từ sớm và xây dựng đội ngũ trong nước đủ mạnh để nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế. Chẳng hạn như Séc, Latvia thành lập các đơn vị chuyên trách đại diện cho Nhà nước trong các tranh chấp đầu tư quốc tế¹⁴; Colombia, Chile, Costa Rica thành lập các uỷ ban liên ngành để điều phối, xử lý các vụ kiện đầu tư quốc tế¹⁵; Ấn

Độ thúc đẩy việc đào tạo cán bộ để nâng cao khả năng giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, hạn chế phụ thuộc vào bên tư vấn nước ngoài¹⁶.

2.2. Trong khuôn khổ Uỷ ban Pháp luật thương mại quốc tế Liên hợp quốc

Từ năm 2017, Uỷ ban Pháp luật thương mại quốc tế Liên hợp quốc (UNCITRAL) thành lập Nhóm công tác III để thảo luận về cải tổ cơ chế ISDS. Mục tiêu của Nhóm công tác III là giải quyết những bất cập của cơ chế ISDS và duy trì sự công bằng, hiệu quả của hệ thống bảo hộ đầu tư. Các thảo luận của Nhóm công tác III UNCITRAL sử dụng kết hợp các cách tiếp cận gia tăng, hệ thống và xoay quanh các vấn đề quan tâm chính sau đây:

Thứ nhất, tính liên chính, độc lập của các trọng tài viên

Tính liên chính, độc lập của các trọng tài viên là vấn đề được quan tâm do đây là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Sự quan ngại về tính liên chính, độc lập của trọng tài viên xuất phát từ thực tế là các IIA thường không có quy định cụ thể về các điều kiện lựa chọn trọng tài viên (ngoài điều kiện về quốc tịch) và các biện pháp cụ thể để phòng ngừa xung đột lợi ích khi thành lập hội đồng trọng tài. Chính vì vậy, trong

¹³ Simon Hartman, Rok Spruk, *The impact of unilateral BIT terminations on FDI: Quasi-experimental evidence from India*, The Review of International Organizations, 17/6/2022, https://ideas.repec.org/a/spr/revint/v18y2023i2d10.1007_s11558-022-09471-3.html, truy cập ngày 10/4/2025.

¹⁴ Xem thêm tại: Bộ Tài Chính Séc, Cơ cấu tổ chức – Vụ 11 – Pháp lý, truy cập tại: <https://www.mfcr.cz/en/about-ministry/organisation-chart/section-legal/independent-unit-9008--international-arb>; Văn phòng Chính phủ Latvia, Đại diện Nhà nước, truy cập tại: <https://www.mk.gov.lv/en/representation-of-state>, truy cập ngày 10/4/2025.

¹⁵ Xem thêm tại: USAID, *Investor-State Dispute Prevention Strategies: Selected Case Studies*, 2013, pp. 14-18;

Nghị định về thành lập Uỷ ban Liên bộ về việc bảo vệ nhà nước trong các tranh chấp đầu tư quốc tế và quy chế phối hợp để giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Crea Comité Interministerial Para La Defensa Del Estado En Controversias Internacionales En Materias Relativas A Inversiones Y Regula La Coordinación Para La Solución De Dichas Controversias). Truy cập tại: <https://www.bcn.cl/leychile/navegar?i=1098279&f=2016-12-27&p=>, truy cập ngày 10/4/2025.

Sắc lệnh số 35452-MP-COMEX ngày 11/8/2009 quy định về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế của Costa Rica. Truy cập tại:

http://www.pgrweb.go.cr/scij/Busqueda/Normativa/Normas/nrm_texto_completo.aspx?param1=NRTC&nValor1=1&nValor2=66133&nValor3=77622&strTipoM=TC, truy cập ngày 10/4/2025.

¹⁶ Uỷ ban các vấn đề đối ngoại thuộc Quốc hội Ấn Độ công bố Báo cáo lần thứ 10 về “Ấn Độ và các hiệp định đầu tư song phương”, trong đó có các khuyến nghị về đào tạo nâng cao trình độ của cán bộ để phát triển trọng tài, luật sư tại nước này.

Committee on External Affairs, Tenth Report of the Committee on External Affairs (2020-21) on the subject ‘India and Bilateral Investment Treaties’. Truy cập tại: https://eparlib.nic.in/handle/123456789/811585?view_type=browse, truy cập ngày 10/4/2025.

giai đoạn từ năm 2020-2023, Nhóm công tác III UNCITRAL thảo luận và xây dựng Bộ quy tắc dành cho trọng tài viên, trong đó, có những quy định quan trọng về chống xung đột lợi ích như nghĩa vụ của các trọng tài viên giới hạn trọng tài viên đảm nhiệm nhiều vai trò trong những vụ kiện tương tự trong một khoảng thời gian nhất định... để đảm bảo tính độc lập, công bằng khi xem xét các vụ kiện đầu tư quốc tế. Bộ Quy tắc trọng tài đã được UNCITRAL thông qua và công bố vào tháng 12/2023.

Thứ hai, cải cách hệ thống đối với cơ chế ISDS

Nhóm Công tác III thảo luận, xem xét nhiều hướng cải cách hệ thống của cơ chế ISDS hiện hành như: Xây dựng toà án đầu tư đa phương thường trực (MPIC), cơ chế phúc thẩm và xây dựng các quy định về thủ tục và các vấn đề xuyên suốt khác;

(i) Xây dựng cơ chế phúc thẩm: Đối với cơ chế phúc thẩm, các quốc gia đề xuất thành lập một cơ chế có chức năng chủ yếu để rà soát, đảm bảo sự chính xác về trình tự, thủ tục cũng như nội dung của các quyết định và sửa chữa các lỗi trong quyết định của các hội đồng trọng tài ISDS. Việc xây dựng cơ chế phúc thẩm còn để đảm bảo cơ chế ISDS gắn với cơ chế xét xử cho phép rà soát pháp lý đối với cấp xét xử sơ thẩm để đảm bảo sự thống nhất, hài hoà và hạn chế các sai sót tư pháp. Nhiều khía cạnh pháp lý của cơ chế phúc thẩm cũng được Nhóm công tác III thảo luận như phạm vi phúc thẩm, hiệu lực của phúc thẩm, thành phần của cơ quan hay hội đồng phúc thẩm, thực thi quyết định phúc thẩm... Về mô hình, Nhóm công tác III xem xét nhiều mô hình phúc thẩm như cơ chế phúc thẩm trên cơ sở hiệp định, cơ chế phúc thẩm vụ việc, cơ quan phúc thẩm thường trực...

(ii) Xây dựng MPIC: Nhóm công tác III thảo luận về việc thành lập MPIC, trong đó

có phương án mô hình 02 cấp xét xử¹⁷. Theo đó, ở cấp xét xử sơ thẩm, toà án xem xét các tranh chấp mà hiện đang được giải quyết bởi các hội đồng trọng tài; ở cấp phúc thẩm, toà án sẽ xem xét các tranh chấp đã được giải quyết ở cấp sơ thẩm nhưng có tình tiết vi phạm quy định pháp luật hay các sai sót rõ ràng khi cân nhắc các tình tiết vụ việc (nhưng không xem xét lại các tình tiết). Bên cạnh đó, thẩm phán của MPIC được đề xuất là các cá nhân làm việc toàn thời gian, được hưởng lương tương đương các thẩm phán của các toà án quốc tế khác. Các cá nhân này phải đảm bảo độc lập, công bằng và phải tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt về đạo đức nghề nghiệp. Về thực thi phán quyết MPIC, hiện có đề xuất văn kiện thành lập MPIC bao gồm cơ chế thực thi riêng và không bao gồm cơ chế xem xét lại ở cấp quốc gia; nhưng cũng có ý kiến cho rằng, phán quyết của MPIC sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước New York về công nhận phán quyết trọng tài quốc tế năm 1968. Năm 2021, Nhóm công tác III đã công bố Ghi chú của Ban thư ký về Các yếu tố liên quan của các toà án và toà án quốc tế thường trực được lựa chọn¹⁸ để tiếp tục quá trình thảo luận cụ thể, trong đó có các vấn đề về cấu trúc, cơ chế tài chính, thẩm quyền, thủ tục lựa chọn thẩm phán... Các nội dung này hiện vẫn tiếp tục được thảo luận.

(iii) Xây dựng các quy định về thủ tục và các vấn đề xuyên suốt khác: Nhóm Công

¹⁷ UNCITRAL, *Possible reform of investor-State dispute settlement (ISDS) Appellate and multilateral court mechanisms*, A/CN.9/WG.III/WP.185, ngày 29/11/2019. Truy cập tại: <https://docs.un.org/en/A/CN.9/WG.III/WP.185>, truy cập ngày 10/4/2025.

¹⁸ UNCITRAL, *Possible reform of investor-State dispute settlement (ISDS) Standing multilateral mechanism: Selection and appointment of ISDS tribunal members and related matters*, A/CN.9/WG.III/WP.213, 8/12/2021, <https://docs.un.org/en/A/CN.9/WG.III/WP.213>, truy cập ngày 10/4/2025.

tác III thảo luận về dự thảo Thỏa thuận, trong đó quy định các vấn đề về thủ tục và các vấn đề xuyên suốt khác của cơ chế ISDS với mục đích tích hợp vào các IIA hiện hành và các IIA sẽ được ký kết trong tương lai. Dự thảo Thỏa thuận đã được đưa ra thảo luận vào tháng 10/2023¹⁹ với các quy định về điều kiện và giới hạn của đề trình khiếu nại, thực hiện các thủ tục tố tụng và quyết định của hội đồng trọng tài.

Thứ ba, hỗ trợ thúc đẩy cải cách ISDS và thực thi ở các quốc gia

Để hỗ trợ cho quá trình cải cách ISDS và thực thi IIA ở các quốc gia, năm 2023, Nhóm công tác III đã thảo luận và thông qua Hướng dẫn về hoà giải cho các tranh chấp đầu tư quốc tế²⁰. Ngoài các hướng dẫn về phương thức hoà giải, lựa chọn hoà giải viên, tiến hành hoà giải và ký kết, thực thi thoả thuận hoà giải, Hướng dẫn bao gồm một Phụ lục các điều khoản mẫu về hoà giải tranh chấp đầu tư quốc tế có thể được sử dụng để tích hợp vào các IIA. Hiện nay, Nhóm công tác III đang tiếp tục thảo luận về dự thảo Bộ công cụ về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế²¹. Bộ công cụ này sẽ đóng vai trò như một hướng dẫn thực tiễn để các quốc gia có thể tham khảo, sử dụng trong phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, trong đó có

những nội dung về cơ chế cảnh báo sớm tranh chấp, phối hợp giữa các cơ quan trong nước, quá trình giải quyết tranh chấp và xây dựng nguồn lực phục vụ công tác quản lý tranh chấp đầu tư quốc tế. Song song với quá trình xây dựng Bộ công cụ, Nhóm công tác III cũng đang thảo luận về việc thành lập một Trung tâm tư vấn đa phương nhằm hỗ trợ pháp lý, đào tạo nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật khác cho các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi khi sử dụng cơ chế ISDS phức tạp. Vào cuối năm 2024, Quy chế nguyên tắc của Trung tâm tư vấn đã được Nhóm công tác III thông qua²².

Mặc dù đến nay, Nhóm công tác III đã đạt được một số kết quả nhất định trong cải tổ cơ chế ISDS, một số chuyên gia cho rằng phạm vi nghiên cứu cải cách của Nhóm còn hẹp, phương pháp tiếp cận chủ yếu là cải cách gia tăng mà ít tập trung vào hướng cải cách mang tính hệ thống²³.

3. Một số gợi mở nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế tại Việt Nam

Ở giai đoạn những năm 1990 thời kỳ đầu mở cửa, để thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng như hướng tới bình thường hoá quan hệ với các nước phương Tây, Việt Nam ký kết một số BIT với các quốc gia châu Âu (Italy, Bỉ, Thụy Sĩ...) và các quốc gia láng giềng ở khu vực châu Á (Malaysia, Singapore...). Trong đó, Việt Nam chấp nhận hầu hết đề xuất về lời văn của các đối tác mà không có các chỉnh sửa đáng kể²⁴. Các BIT sau đó được Việt Nam ký kết cũng có hình thức và nội dung chính dựa trên các

¹⁹ UNCITRAL, *Possible reform of investor-State dispute settlement (ISDS): Draft provisions on procedural and cross-cutting issues*, A/CN.9/WG.II I/WP.231, 26/7/2023, <https://docs.un.org/en/A/CN.9/WG.III/WP.231>, truy cập ngày 10/4/2025.

²⁰ UNCITRAL, *Guidelines on Mediation for International Investment Disputes*. Truy cập tại: https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/2401497e_mediation_guidelines_-ebook_eng.pdf, truy cập ngày 10/4/2025.

²¹ UNCITRAL, *Possible reform of investor-State dispute settlement (ISDS) Draft toolkit on prevention and mitigation of international investment disputes*, A/CN.9/1185, ngày 6/5/2024, <https://docs.un.org/en/A/CN.9/1185>, truy cập ngày 10/4/2025.

²² UNCITRAL, *Report of the United Nations Commission on International Trade Law*, A/79/17, pp. 19-28, <https://docs.un.org/en/A/79/17>.

²³ My An Dang (2024), p. 15.

²⁴ Tran Viet Dung, *Vietnam's Experiences with International Investment Agreements Governance: Issues and Solutions*, Asian Yearbook of International Law, Volume 25 (2019), pp. 84-104, p. 90.

BIT đã được ký kết với các quốc gia châu Âu như quy định về không phân biệt đối xử, bồi thường khi quốc hữu hoá, đối xử công bằng và thoả đáng, bảo vệ và an ninh đầy đủ, chuyển vốn và tài sản, tiếp cận cơ chế ISDS dựa trên trọng tài đầu tư quốc tế theo vụ việc²⁵. Sau khi gia nhập WTO vào năm 2007, Việt Nam tiếp tục tích cực ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương, khu vực ASEAN và ASEAN+. Hầu hết các FTA này cũng có chương riêng về đầu tư, cơ chế ISDS.

Năm 2018, Việt Nam ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Mặc dù một số quy định liên quan đến đầu tư của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) – tiền thân của Hiệp định CPTPP đã bị tạm ngừng nhưng các quy định về đầu tư, cơ chế ISDS của Hiệp định CPTPP vẫn được đánh giá là tiến bộ so với các BIT của Việt Nam được ký kết trước đó như định nghĩa khoản đầu tư chặt chẽ hơn, chỉ cho phép các khoản đầu tư với những đóng góp kinh tế thực sự, các quy định về bảo hộ đầu tư tiêu chuẩn nhưng với lời văn chặt chẽ hơn, định nghĩa cụ thể về “quốc hữu hoá gián tiếp”, đặt ra các yêu cầu về điều kiện thủ tục cao hơn cho nhà đầu tư khi sử dụng cơ chế ISDS, minh bạch hoá, thu hẹp phạm vi tranh chấp áp dụng cơ chế ISDS...²⁶ Tuy nhiên, cơ chế ISDS tại Hiệp định CPTPP vẫn chủ yếu dựa trên trọng tài đầu tư quốc tế theo vụ việc.

Năm 2019, Việt Nam ký kết Hiệp định đầu tư với Liên minh châu Âu (EVIPA). Đây là BIT đầu tiên của Việt Nam có cơ chế

ISDS dựa trên toà án thường trực về đầu tư thay vì trọng tài đầu tư quốc tế theo vụ việc²⁷. Bên cạnh đó, Hiệp định EVIPA cũng bổ sung các quy định về tính minh bạch, nâng cao hiệu quả của biện pháp thi hành phán quyết, hạn chế khởi kiện, bên thứ ba tài trợ cho vụ kiện...²⁸ Hiệp định EVIPA dự kiến sẽ thay thế 21 BIT song phương của Việt Nam với nước châu Âu. Vì vậy, Hiệp định này được kỳ vọng sẽ giúp hạn chế những bất cập hiện có của hệ thống ISDS và sự lạm dụng cơ chế ISDS của những nhà đầu tư không thiện chí. Tuy nhiên, đến nay, EVIPA chưa có hiệu lực chính thức.

Từ năm 2019, Việt Nam là thành viên của UNCITRAL và tại Nhóm công tác III, Việt Nam tích cực tham gia vào quá trình thảo luận cải tổ cơ chế ISDS, trong đó có nội dung đề xuất thành lập cơ quan phúc thẩm và toà MPIC. Tuy nhiên, Việt Nam không công bố quan điểm chung về cải tổ cơ chế ISDS khi tham gia Nhóm công tác III.

Tính đến hết năm 2024, Việt Nam đã ký kết 67 hiệp định đầu tư song phương (BIT), trong đó có 49 BIT đang có hiệu lực²⁹, và 9/12 hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên có chương về đầu tư³⁰. Đa số các IIA kể trên có quy định về cơ chế ISDS. Mặc dù số lượng IIA được ký kết tương đối lớn, Việt Nam không có hiệp định đầu tư hay các điều khoản đầu tư, cơ chế ISDS mẫu. Các IIA được ký kết dựa trên cơ sở đàm phán với từng đối tác cụ thể.

²⁷ Tran Viet Dung 2019, tldđ, p. 90.

²⁸ Vũ Lê Minh, Thanh Sơn, *Cơ chế giải quyết tranh chấp trong EVIPA: Những điều Doanh nghiệp Việt cần biết*, Tạp chí điện tử Pháp lý, tháng 1/2025. Truy cập tại: <https://phaply.net.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-trong-evipa-nhung-dieu-doanh-nghiep-viet-ca-n-biet-a257236.html>, truy cập ngày 10/4/2025.

²⁹ UNCTAD, International Investment Agreement Navigator: Viet Nam, <https://invest.mentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/countries/229/viet-nam>, truy cập ngày 10/4/2025.

³⁰ Tran Viet Dung 2019, tldđ, p. 84.

²⁵ Tran Viet Dung (2019), tldđ, p. 91.

²⁶ Sam Luttrell, *ISDS in the Asia-Pacific: A Regional Snap-Shot*, 19 International Trade & Business Law Review, 20 (2016), p. 26-27.

Xem thêm tại Nguyen Manh Dzong, Dang Vu Minh Ha, *ISDS Reform and the EU-Vietnam Investment Protection Agreement Challenge Accepted!*, *The Asian Turn in Foreign Investment*, 2021, pp. 200, 201.

Báo cáo rà soát chính sách đầu tư năm 2018 của OECD đánh giá rằng, mặc dù các điều khoản trong các IIA của Việt Nam đã có sự phát triển trong các năm gần đây song cũng còn nhiều BIT thế hệ cũ với các điều khoản chưa rõ ràng đang còn hiệu lực, chưa được cập nhật hay thay thế mới³¹. Các IIA mà Việt Nam ký kết mới trong thời gian qua cũng không sử dụng cách tiếp cận thống nhất về cơ chế ISDS. Một số IIA vẫn có quy định cơ chế ISDS truyền thống, một số khác đề ngỏ đối với quy định ISDS (chẳng hạn như Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực (RCEP)³², Hiệp định bảo hộ đầu tư ASEAN – Hongkong (Trung Quốc))³³ và như tại EVIPA, Việt Nam chấp nhận một cơ chế ISDS dựa trên toà án đầu tư thường trực chưa từng có tiền lệ.

Trong khi đó, theo các thống kê công khai của UNCTAD, đến nay Việt Nam đã phải đối mặt với 13 vụ kiện đầu tư quốc tế và các vụ kiện đang có dấu hiệu gia tăng về số lượng. Cụ thể là, trong giai đoạn 10 năm từ 2004 (thời điểm phát sinh vụ kiện đầu tiên) tới năm 2014 phát sinh 06 vụ kiện nhưng chỉ tính riêng trong năm 2022 đã

phát sinh 03 vụ kiện, năm 2023 phát sinh 01 vụ kiện. Hầu hết các vụ kiện này được khởi xướng trên cơ sở các BIT mà Việt Nam ký kết giai đoạn những năm 2000 trở về trước. Ở chiều ngược lại, UNCTAD hiện chưa ghi nhận bất kỳ vụ kiện đầu tư quốc tế nào được khởi xướng bởi các nhà đầu tư Việt Nam trên cơ sở các IIA. Đây cũng là điều dễ hiểu do Việt Nam là nước chủ yếu nhận đầu tư. Kết quả xử lý các vụ kiện đầu tư quốc tế của Việt Nam hiện chưa được công khai cụ thể song có thể dự đoán được chúng có khả năng ảnh hưởng lớn tới hoạt động quản lý và môi trường đầu tư ở Việt Nam khi mà từ năm 2014, Việt Nam đã ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Quyết định số 04/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nay là Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Vì vậy, trong thời gian tới, để hạn chế phát sinh và giải quyết hiệu quả các tranh chấp đầu tư quốc tế trong thời gian tới, các cơ quan quản lý nhà nước có thể cân nhắc các giải pháp:

Thứ nhất, tích cực tham gia thảo luận trong khuôn khổ Nhóm Công tác III nhằm thúc đẩy việc cải cách cơ chế ISDS theo hướng cân bằng hơn quyền lợi giữa Nhà nước và nhà đầu tư, minh bạch, hiệu quả. Đây là hoạt động góp tiếng nói vào việc định hình cơ chế ISDS mới theo bảo đảm lợi ích của các quốc gia tiếp nhận đầu tư như Việt Nam, khẳng định vị thế và tiếng nói của Việt Nam trong hệ thống pháp lý quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng nên tham gia tích cực trong việc xây dựng các hướng dẫn, quy định mẫu liên quan đến cơ chế ISDS và tận dụng các hỗ trợ kỹ thuật trong khuôn khổ UNCITRAL, đặc biệt là các hỗ trợ về đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ pháp lý, luật sư của Việt Nam và chuẩn hoá quy trình giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

³¹ OECD, OECD Investment Policy Reviews: Viet Nam 2018, OECD Publishing, Paris, p. 165. Truy cập tại: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2018/11/oecd-investment-policy-reviews-viet-nam-2018_g1g8342e/9789264282957-en.pdf, truy cập ngày 10/4/2025.

³² Theo Điều 10.18 Hiệp định RCEP, các Bên sẽ thảo luận về cơ chế ISDS của Hiệp định sau 02 năm kể từ ngày có hiệu lực. Tuy nhiên, đến nay, chưa có thông tin về kết quả thảo luận của các Bên đối với nội dung này.

³³ Theo Điều 20 và Điều 22 Hiệp định bảo hộ đầu tư ASEAN – Hongkong (Trung Quốc) quy định rằng nội dung về giải quyết tranh chấp giữa một Bên và nhà đầu tư sẽ được các Bên thảo luận sau khi 01 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực và quá trình thảo luận sẽ được giám sát bởi Hội đồng chung thành lập theo Hiệp định. Tuy nhiên, đến nay, các Bên trong Hiệp định chưa đi tới thống nhất về cơ chế ISDS theo Điều 20.

Thứ hai, cần sớm rà soát các IIA mà Việt Nam đã ký kết nhằm nâng cấp, thay mới hoặc chấm dứt các hiệp định đã bộc lộ các rủi ro phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế do các điều khoản mơ hồ, thiếu cụ thể hoặc trùng lặp về chủ thể, dẫn tới khả năng nhà đầu tư lợi dụng để trục lợi (treaty shopping). Việt Nam cũng cần thúc đẩy việc xây dựng hiệp định mẫu hay nhóm các quy định về đầu tư, ISDS mẫu để phục vụ cho quá trình đàm phán nâng cấp, thay thế các IIA cũng như ký kết mới các IIA với các quốc gia đối tác, trong đó cần nhắc tới các giải pháp bảo vệ quyền tự chủ trong xây dựng pháp luật, thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế....

Thứ ba, thúc đẩy hoàn thiện pháp luật trong nước để phòng ngừa các tranh chấp đầu tư quốc tế, giải quyết sớm các vướng mắc, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp trong nước. Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác đàm phán, theo dõi thực hiện IIA nhằm đảm bảo có sự hiểu biết về cơ chế ISDS, rủi ro phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế từ các IIA đã ký kết.

Thứ tư, cần có nghiên cứu, đánh giá về các rủi ro phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế và nhu cầu hoàn thiện quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong nước để ứng phó với các rủi ro này. Trong trường hợp rủi ro lớn, Việt Nam có thể cân nhắc kinh nghiệm của một số quốc gia về thành lập cơ quan chuyên trách hoặc cơ quan đầu mối giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế với đội ngũ công chức, luật sư công chuyên nghiệp, có khả năng đại diện, bảo vệ quyền lợi cho Nhà nước trong các tranh chấp trước cơ quan tài phán quốc tế. Về lâu dài, việc thành lập một cơ quan như vậy sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong ứng phó với các tranh chấp đầu tư quốc tế, giảm chi

phí, giảm sự phụ thuộc vào các luật sư, chuyên gia nước ngoài.

Kết luận

Tranh chấp đầu tư quốc tế là hệ quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa và gia tăng dòng vốn đầu tư xuyên biên giới, đang đặt ra những thách thức ngày càng lớn đối với hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia. Mặc dù cơ chế ISDS đã góp phần bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư và củng cố niềm tin vào môi trường đầu tư, song đồng thời cũng bộc lộ nhiều bất cập như thiếu minh bạch, chi phí tố tụng cao, tính nhất quán trong xét xử còn hạn chế, và nguy cơ ảnh hưởng đến quyền điều chỉnh chính sách của quốc gia. Những bất cập này đã thúc đẩy cộng đồng quốc tế, đặc biệt tại diễn đàn Nhóm công tác III UNCITRAL, tiến hành các sáng kiến cải tổ cơ chế ISDS nhằm hướng tới một hệ thống giải quyết tranh chấp công bằng, minh bạch, cân bằng và hiệu quả hơn.

Trong bối cảnh đó, đối với Việt Nam – một quốc gia đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và là thành viên của nhiều hiệp định đầu tư thế hệ mới – việc nhận diện đúng các xu hướng cải tổ ISDS và chủ động thích ứng là yêu cầu mang tính cấp thiết. Việt Nam cần tích cực tham gia vào quá trình định hình các cải cách tại cấp độ đa phương, đồng thời tiến hành rà soát, điều chỉnh các cam kết đầu tư song phương và đa phương đã ký, đảm bảo sự cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ nhà đầu tư và bảo vệ không gian chính sách quốc gia. Ngoài ra, việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật nội địa về đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia giải quyết tranh chấp, cũng như xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế là những giải pháp then chốt nhằm nâng cao năng lực ứng phó và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của quốc gia.